

TÁI CẤU TRÚC KINH TẾ

TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

Đặng Văn Thắng*

Ngày nhận: 5/8/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/9/2014

Ngày duyệt đăng: 5/10/2014

Tóm tắt

Tác giả bài viết cho rằng, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn qua chủ yếu là nhờ vào tái cấu trúc quan hệ sản xuất để giải phóng các năng lực sản xuất sẵn có. Song, tăng trưởng dựa trên khai thác các lợi thế về lao động và tài nguyên đã đến một giới hạn rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”. Vì thế, về phương diện lý luận cần nghiên cứu toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn về tái cấu trúc lực lượng sản xuất; cần phải có một chiến lược cụ thể xác định phương hướng, mục tiêu và lộ trình cho từng giai đoạn; Phát triển nhân lực được coi là nhân tố quyết định cho tái cấu trúc; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ là những vấn đề mang ý nghĩa then chốt của quá trình tái cấu trúc lực lượng sản xuất ở nước ta những năm tới.

Từ khóa: Tái cấu trúc kinh tế; lực lượng sản xuất; quan hệ sản xuất

1. Đặt vấn đề

Tăng trưởng kinh tế bền vững là mục tiêu phát triển của các quốc gia trên thế giới hiện nay. Quá trình chuyển sang kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế nước ta đã đạt được mức tăng trưởng cao trong thời gian khá dài. Sau 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, trong đó trọng tâm là đổi mới về kinh tế, đến năm 2010, lần đầu tiên Việt Nam đã thoát khỏi nhóm nước nghèo trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua chủ yếu là tăng các yếu tố đầu vào: vốn, lao động, tài nguyên, nguyên vật liệu... tức là mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Khi các yếu tố đầu vào, cùng nguồn lực của xã hội đã được huy động, khai thác sử dụng đến một giới hạn thì tăng trưởng không đạt được mức kỳ vọng, thực tế tăng trưởng đã chững lại và giảm mạnh vào năm 2008, 2009, từ năm 2010 kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhưng hết sức chậm chạp và tăng trưởng ở mức thấp, hầu như tăng trưởng các năm gần đây không đạt được mức Quốc hội đề ra. Tăng trưởng của Việt

Nam trong thời gian qua, không những thấp về mức (xét về lượng) mà chất lượng, hiệu quả chưa cao và tăng trưởng thiếu ổn định, tức là có tăng trưởng nhưng không có sự phát triển bền vững.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn từ năm 2011 đến 2020, Đại hội Đảng XI khẳng định: “Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế nâng cao chất lượng hiệu quả, phát triển nhanh, bền vững” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Bài viết bàn về tái cấu trúc kinh tế từ góc độ lực lượng sản xuất tức là tiếp cận kinh tế vĩ mô. Nội dung đề cập đến các vấn đề về lực lượng sản xuất và quan niệm về tái cấu trúc lực lượng sản xuất; Sự cần thiết tái cấu trúc lực lượng sản xuất trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam. Trên cơ sở đó đưa ra một số khuyến nghị về tái cấu trúc lực lượng sản xuất.

2. Lực lượng sản xuất và quan niệm về tái cấu trúc lực lượng sản xuất

Sản xuất là một quá trình có tính hai mặt, một mặt con người tác động vào tự nhiên làm biến đổi các

vật thể tự nhiên cho phù hợp với mục đích của con người đó là mặt tự nhiên của sản xuất hay là lực lượng sản xuất, mặt khác con người tác động lẫn nhau đó là mặt xã hội của sản xuất hay là quan hệ sản xuất. Quan hệ biện chứng giữa hai mặt của quá trình sản xuất, trong đó lực lượng sản xuất là nội dung vật chất của sản xuất, quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của sản xuất. lực lượng sản xuất luôn vận động, phát triển không ngừng theo những quy luật “tự nhiên”, tất yếu đòi hỏi quan hệ sản xuất biến đổi cho phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. C. Mác đã chỉ ra “Bất cứ một sự cải tiến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995).

Như chúng ta biết, lực lượng sản xuất hay sức sản xuất của xã hội ở thời kỳ nhất định nó phản ánh khả năng chế ngự tự nhiên của con người, biểu hiện ở trình độ, năng lực hoạt động thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất.

Lực lượng sản xuất được cấu thành bởi các yếu tố: tư liệu sản xuất với tư cách là yếu tố vật chất của sản xuất; người lao động với những kinh nghiệm kỹ năng, tri thức và hiểu biết đã được tích lũy qua nhiều thế hệ và trong thời đại ngày nay khoa học - kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Cần nhấn mạnh 3 yếu tố trên đây là bộ phận hợp thành lực lượng sản xuất. Sự kết hợp các yếu tố không phải là một phép cộng số học giản đơn “những củ khoai tây vào một bì khoai tây”. Đó là sự kết hợp tạo thành một hệ thống của lực lượng sản xuất, trong đó mỗi yếu tố là bộ phận cấu thành (là cấu phần) của một chỉnh thể xác định cả về mặt chất và mặt lượng. Như vậy, cơ cấu (hay cấu trúc) của lực lượng sản xuất được hiểu là sự kết hợp giữa các yếu tố có mối quan hệ hữu cơ với nhau thành một hệ thống, được xác định về mặt chất và trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất.

Hệ thống lực lượng sản xuất với tư cách là cấu trúc phức tạp được hợp thành bởi các yếu tố có mối quan hệ quy định lẫn nhau và mỗi yếu tố đều có vai trò và chức năng riêng. Nếu lực lượng sản xuất là yếu tố vật chất cần thiết là cơ sở hạ tầng kỹ thuật của nền sản xuất, trong đó công cụ sản xuất thể hiện trình độ phát triển của thời đại kinh tế “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải là ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1993), thì người lao động là chủ thể được nhận thức giữ vai trò quyết định của mọi quá trình kinh tế. Lực lượng sản xuất phát triển qua các thời kỳ khác nhau. Trong thời đại ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ của khoa học -

công nghệ hiện đại, đặc biệt là từ thập niên 1970 trở đi, loài người bước vào kỷ nguyên kinh tế tri thức, cách mạng khoa học công nghệ hiện đại là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển. Khoa học - công nghệ thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất từ thấp đến cao, từ thô sơ đến hiện đại đó là quá trình cơ cấu lại các yếu tố sản xuất tạo ra sự thay đổi về chất của lao động dựa trên tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, phân công và hiệp tác lao động.

Tái cấu trúc lực lượng sản xuất là sự kết hợp các yếu tố của sản xuất thành một hệ thống mới về chất làm biến đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế nhằm duy trì cho nền kinh tế phát triển bền vững.

Vậy, tái cấu trúc lực lượng sản xuất là quá trình kinh tế khách quan phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất qua mỗi thời kỳ. Đó là sự kết hợp giữa các yếu tố có mối quan hệ hữu cơ với nhau thành một hệ thống thay đổi căn bản về chất dựa trên cơ sở những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phân công và hợp tác lao động nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế đảm bảo cho nền kinh tế phát triển bền vững.

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, trong quá trình chuyển sang phát triển kinh tế thị trường, chúng ta đã tìm tòi học hỏi kinh nghiệm các nước có nền kinh tế phát triển, nghiên cứu vận dụng các lý thuyết kinh tế vào điều kiện Việt Nam. Sau gần 30 năm thực hiện đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng bước đầu, chủ yếu do giải quyết được vấn đề sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh theo hướng phù hợp với yêu cầu của quy luật thị trường, tức là thực hiện tái cấu trúc quan hệ sản xuất trên thực tế. Đó là những biện pháp nhất thời làm thay đổi các hình thức sản xuất, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta trong thời gian qua đạt mức khá cao so với các quốc gia trong khu vực, nhưng không ổn định, thiếu bền vững. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới kinh tế nhằm hoàn thành mục tiêu chiến lược đến năm 2020 “trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hoá”. Những năm trước mắt cần phải tái cấu trúc kinh tế, trọng tâm là tái cấu trúc lực lượng sản xuất, nâng cao chất lượng tăng trưởng, đảm bảo kinh tế phát triển bền vững.

3. Sự cần thiết tái cấu trúc lực lượng sản xuất trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

Về phương diện lý luận, ở trên đã trình bày khái quát những nhận thức nội hàm về lực lượng sản xuất, cấu trúc của lực lượng sản xuất và tái cấu trúc

lực lượng sản xuất. Qua phân tích tái cấu trúc lực lượng sản xuất từ những cách tiếp cận khác nhau của một số các nhà khoa học kinh tế đã chỉ ra những quá trình có tính quy luật tái cấu trúc lực lượng sản xuất, đó là cơ sở lý luận, phương pháp luận vận dụng vào điều kiện thực tiễn Việt Nam.

Vấn đề tái cấu trúc lực lượng sản xuất đặt ra đối với nền kinh tế nước ta hiện nay như một nhu cầu cấp thiết, được quy định bởi quá trình có tính quy luật phát triển của nền kinh tế và yêu cầu thực tiễn cần phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Tái cấu trúc lực lượng sản xuất hiện nay bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân và lý do khác nhau, song từ cách tiếp cận hệ thống cấu trúc có thể khái quát những nguyên nhân và lý do sau đây:

3.1. Sự phát triển của mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong đó lực lượng sản xuất luôn là yếu tố động nhất, cách mạng nhất là khởi đầu, đồng thời cũng là động lực cho phát triển. Lịch sử phát triển của xã hội trải qua các phương thức sản xuất nối tiếp nhau, các thời đại kinh tế kế tiếp nhau. Suy cho đến cùng đều bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, trước hết là công cụ sản xuất, đây là một nguyên lý phổ biến về sự phát triển và là chân lý đã được thực tiễn kiểm nghiệm qua nhiều thế hệ.

Việt Nam là nền kinh tế chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, bao cấp sang kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Trải qua quá trình tìm tòi, thử nghiệm, tổng kết kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp những năm đầu thập niên 1980 với Khoản 10, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương. Thực hiện bước chuyển đổi quan trọng đầu tiên từ mô hình kinh tế hợp tác xã sang mô hình khoán nông hộ, hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ. Đó thực sự là “cởi trói” cho nông nghiệp, giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp. Cơ chế khoán mới đã trao quyền tự chủ cho nông dân, gắn lao động với kết quả được hưởng của người lao động đã tạo động lực khuyến khích người nông dân mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất và sản lượng. Thực tế đã chứng minh, trong một thời gian ngắn (khoảng 10 năm) từ một nước thiếu lương thực hàng năm phải nhập khẩu hơn một triệu tấn lương thực, nông nghiệp nước ta đã sản xuất đủ lương thực tiêu dùng trong nước và lần đầu tiên Việt Nam trở thành quốc gia xuất khẩu gạo.

Những thành tựu đạt được về sản xuất nông nghiệp trong thời kỳ những năm 1980 có ý nghĩa

kinh tế - chính trị hết sức quan trọng. Song, thực chất của “sự cởi trói” chỉ là biện pháp kinh tế nhằm giải phóng những năng lực sản xuất mà chưa thực sự tạo ra sức sản xuất mới, xét trên cả 3 yếu tố của lực lượng sản xuất. Vẫn là sản xuất nông nghiệp quảng canh truyền thống, lao động thủ công, phân tán quy mô nhỏ và mang nặng tính tự cung tự cấp. Chưa có sự thay đổi đáng kể nào về các yếu tố sản xuất: chất lượng nhân lực, cơ sở hạ tầng và tiến bộ khoa học kỹ thuật. Do đó, không thể có sức sản xuất mới đưa đến năng suất và hiệu quả cao.

Cần phải tái cấu trúc lực lượng sản xuất làm thay đổi về chất, phương thức kết hợp các yếu tố của sản xuất, khai thác tối đa hiệu quả các nguồn lực, nâng cao chất lượng tăng trưởng đảm bảo kinh tế phát triển bền vững.

3.2. Để thoát ra khỏi “bẫy thu nhập trung bình”

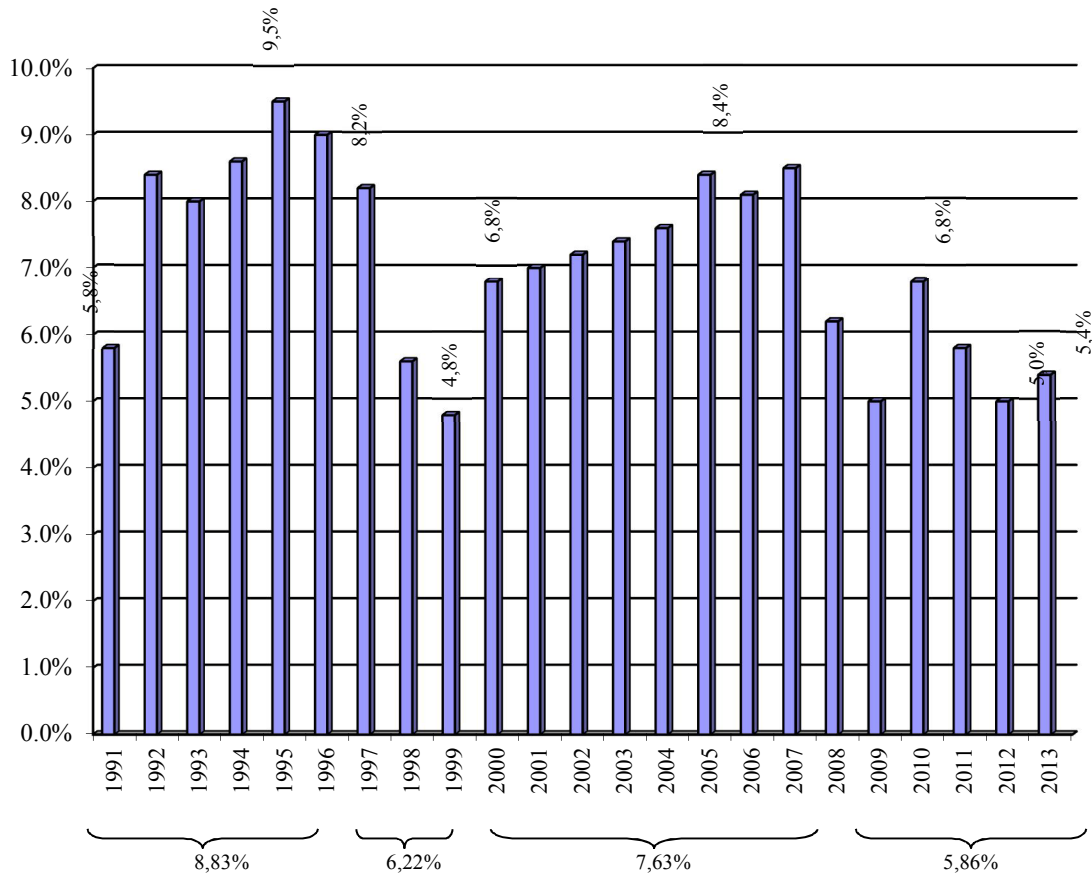
Những năm gần đây, trong lý thuyết tăng trưởng hiện đại, một số nhà kinh tế học đưa ra thuật ngữ “Bẫy thu nhập trung bình”. Có thể khái quát nội dung cơ bản của lý thuyết “Bẫy thu nhập trung bình”: Giai đoạn tăng trưởng đạt mức trung bình từ 1000 đến 6000 USD một người trong năm, khi những lợi thế đã khai thác đến giới hạn: tài nguyên cạn kiệt ngày càng trở nên khan hiếm, tiền công tăng cao và năng suất lao động giảm dần. Tất cả các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng đều chịu sự chi phối của quy luật hiệu quả cận biên giảm dần, khi đó kinh tế ở vào trạng thái cân bằng đó chính là “cái bẫy thu nhập trung bình” và các nhà đầu tư nước ngoài không muốn mở rộng đầu tư, đổi mới trang thiết bị và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mà họ tìm cách chuyển sang đầu tư vào quốc gia khác. Lịch sử kinh tế thế giới cũng đã chỉ ra có không nhiều quốc gia đã vượt qua “bẫy thu nhập trung bình” để trở thành nước có nền kinh tế phát triển.

Đối với Việt Nam, tăng trưởng kinh tế từ năm 1991 đến 2013 có thể chia thành 4 giai đoạn;

- Từ 1991 đến 1996: tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong giai đoạn này là 8,83%;
- Giai đoạn từ năm 1997 - 1999: tốc độ trung bình mức tăng trưởng trong giai đoạn này đạt 6,22%;
- Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2007: trung bình mức tăng trưởng trong giai đoạn này đạt 7,63%;
- Giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2013: tăng trưởng kinh tế trung bình là 5,8% năm và năm có mức tăng trưởng thấp nhất là 2012 chỉ đạt 5%.

So với các quốc gia trong khu vực, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2010 đến 2013 tương đương với Philippines, thấp hơn so với

Hình 1: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1991-2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2013)

Trung Quốc (9-10%), Myanmar (10%), Campuchia (7%) và Lào (8%) (Trần Thọ Đạt và cộng sự, 2013).

Qua tổng hợp, phân tích các số liệu thống kê về tình hình tăng trưởng của Việt Nam, có thể nhận thấy: tăng trưởng kinh tế của nước ta có thời kỳ đạt được mức khá cao, nhưng xét cả quá trình là không ổn định, tiềm ẩn nhiều bất ổn, rủi ro tài chính. Hơn nữa, sau mỗi chu kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới và khu vực, tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm và thời gian lấy lại đà tăng trưởng chậm. Thời gian chậm (kéo dài) không những so với giai đoạn trước mà còn chậm hơn so với các nước trong khu vực. Các nước ASEAN-5, sau khủng hoảng, suy thoái kinh tế thế giới từ cuối năm 2009 đã lấy được đà tăng trưởng và đạt mức trung bình 6-7% và tiếp tục tăng qua các năm. Đối với Việt Nam trong 3 năm gần đây vẫn ở mức 5-6% (Tổng cục Thống kê, 2013) chưa thoát ra khỏi chu kỳ tăng trưởng chậm. Tình hình trên có thể khẳng định rằng, kinh tế nước ta đang rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”. Trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới hiện nay và với kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia phát triển đã chỉ ra, để thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình” cần phải tái cấu trúc kinh tế mà trong đó nội dung trọng tâm là tái cấu trúc lực lượng sản xuất.

3.3. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu

Đặc trưng cơ bản của mô hình (kiểu) tăng trưởng theo chiều rộng là sự tăng quy mô, tốc độ và sản lượng nhờ tăng các yếu tố đầu vào như tiền vốn, lao động và đất đai. Đây là mô hình tăng trưởng cổ điển trong giai đoạn của công trường thủ công đã được A. Smith (1723-1790) trình bày trong công trình nghiên cứu về bản chất, nguồn gốc của cải của các nước (Smith, 1997).

Cuộc cách mạng công nghiệp nổ ra và hoàn thành cơ bản vào cuối thế kỷ XVIII, đưa Chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn sản xuất công nghiệp cơ khí tập trung, quy mô lớn, nâng cao năng suất lao động. Đó là bước chuyển từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng kết hợp với tăng trưởng theo chiều sâu.

Từ giữa thế kỷ XX trở đi, do sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, đặc biệt từ những năm 1970 đến nay, kinh tế thế giới bước vào thời kỳ mới - thời kỳ kinh tế tri thức. Đánh dấu bước chuyển căn bản từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu.

Mô hình tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên cơ sở kết hợp các yếu tố có sự thay đổi về chất tạo ra sức sản xuất mới. Trong đó, các yếu tố chủ yếu để tăng trưởng là sử dụng công nghệ mới, vật liệu và năng lượng mới, tri thức mới của lao động. Tăng trưởng theo chiều sâu hướng đến tăng hàm lượng chất xám, công nghệ trong sản phẩm, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu và các nguồn năng lượng.

Tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian qua chủ yếu là tăng các yếu tố đầu vào là vốn, lao động và tài nguyên tức là tăng trưởng theo chiều rộng, khai thác những lợi thế nhân công và tài nguyên giá rẻ. Sản xuất gia công cho các công ty nước ngoài, phân giá trị gia tăng trong sản phẩm chiếm tỷ trọng nhỏ.

Vốn đầu tư vẫn là nhân tố chủ yếu đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chiếm khoảng 71%, (Nguyễn Ngọc Sơn và Phạm Hồng Chương, 2011) tăng vốn đầu tư làm tăng trưởng kinh tế nhưng đồng thời hệ số ICOR cũng tăng. Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, tương quan giữa tăng đầu tư và tăng trưởng ICOR là 3 thì đầu tư có hiệu quả, nhưng hệ số ICOR của Việt Nam trung bình là 6 tức là hiệu quả đầu tư thấp (Nguyễn Việt Hùng và Hồ Đắc Nghĩa, 2013).

Đóng góp của lao động vào tăng trưởng kinh tế ở nước ta những năm gần đây có xu hướng giảm từ 24,9% giai đoạn 1998 - 2005 xuống 14,5% giai đoạn 2006 - 2013. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới chỉ số kinh tế tri thức của Việt Nam thấp, dưới mức trung bình, những năm gần đây chỉ số kinh tế tri thức có được cải thiện nhưng chỉ đạt 3,4 điểm xếp hạng thứ 104/146 quốc gia vào năm 2013 (Nguyễn Ngọc Sơn và Phạm Hồng Chương, 2011).

Năng suất tổng hợp (TFP) là chỉ số phản ánh hiệu quả tăng trưởng kinh tế, khả năng khai thác các nguồn lực kinh tế và duy trì tăng trưởng ổn định lâu dài. Đóng góp của (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây trung bình chiếm khoản 14% đến 20% (Nguyễn Ngọc Sơn và Phạm Hồng Chương, 2011), thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực.

Trong giai đoạn từ 2005 đến 2013 tính mức trung bình đóng góp của các yếu tố vào GDP: vốn 71,2%; lao động 14,5%; TFP 14,3% (Nguyễn Ngọc Sơn và Phạm Hồng Chương, 2011). Điều đó chứng tỏ tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian gần đây dựa vào tăng các nguồn lực vật chất là chủ yếu, năng suất tổng hợp của các yếu tố thấp. Để hoàn thành mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, chúng ta phải chuyển đổi sang mô hình

tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên tăng năng suất và nâng cao hiệu quả kinh tế. Trong đó nội dung vật chất có tính quyết định trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng là tái cấu trúc lực lượng sản xuất.

3.4. Nâng cao sức cạnh tranh quốc tế

Việt Nam là nền kinh tế chuyển đổi từ điểm xuất phát thấp mở cửa hội nhập vào kinh tế thế giới, thực hiện đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ kinh tế quốc tế. Mở cửa hội nhập vừa tạo ra cơ hội vừa phải đối mặt với các thách thức. Khó khăn thách thức lớn nhất khi tham gia vào thị trường thế giới là năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Theo World Economic Forum, năng lực cạnh tranh của nước ta từ 2001 đến nay hầu như chưa được cải thiện đáng kể, thậm chí còn bị tụt hạng. Năm 2008, 2009, năm 2010 lãng lực cạnh tranh đã tăng lên đáng kể, song đến 2011, 2012 tiếp tục tụt hạng. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam năm 2012 được xếp hạng trên tổng số 142 quốc gia và so với các nước trong khu vực, Việt Nam xếp thứ 65/142, Campuchia: 68; Indonesia: 46; Malaysia: 21; Thái Lan: 39; Trung Quốc: 26. (Trần Thọ Đạt và cộng sự, 2013). Như vậy, có thể thấy năng lực cạnh tranh của chúng ta là một trong quốc gia thấp nhất trong khu vực. Vì vậy, muốn nâng cao năng lực cạnh tranh ngoài những biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô cần phải tái cấu trúc nền kinh tế mà trước hết là tái cấu trúc lực lượng sản xuất để tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

4. Kết luận và một số khuyến nghị

4.1. Kết luận

Thực tế tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn qua chủ yếu là nhờ giải phóng được các năng lực sản xuất sẵn có do tái cấu trúc quan hệ sản xuất mang lại. Thực hiện đa dạng hoá các hình thức sở hữu, chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh một mặt tạo tiền đề hình thành cơ chế thị trường, mặt khác để khai thác tiềm năng, thế mạnh của mỗi thành phần kinh tế. Đó là tăng trưởng bằng cách tăng các yếu tố đầu vào của sản xuất là vốn đầu tư, lao động và tài nguyên hay là mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Mô hình này thích ứng với giai đoạn đầu của quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, phát huy được lợi thế về lao động và tài nguyên, thu hút được đầu tư, tạo ra nhiều việc làm, tăng kim ngạch xuất khẩu.

Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển phát triển của nền kinh tế, mô hình tăng trưởng theo chiều rộng đã bộc lộ những mặt hạn chế và có nguy cơ tụt hậu so với các nền kinh tế trong khu vực. Biểu hiện hạn chế của tăng trưởng theo chiều rộng là tăng vốn đầu tư, khi vốn đóng góp vào tăng trưởng chiếm

71% nhưng càng tăng đầu tư thì hiệu quả sử dụng vốn càng giảm, lao động chủ yếu là gia công, hàm lượng chất xám và giá trị tăng thêm thấp, cho nên lao động đóng góp vào tăng trưởng chiếm không quá 15%. Năng suất tổng hợp các yếu tố (TFP) chiếm hơn 14% (Nguyễn Ngọc Sơn và Phạm Hồng Chương, 2011).

Như vậy, mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế ngày càng giảm. Hiện tại năng suất lao động trung bình của Việt Nam thấp nhất trong khu vực. Vì vậy, để nâng cao năng suất và hiệu quả cần phải chuyển sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở tái cấu trúc lực lượng sản xuất.

Tăng trưởng dựa trên khai thác lợi thế về lao động và tài nguyên đã đến một giới hạn khi tiền công lao động tăng, các nguồn tài nguyên dần bị cạn kiệt và môi trường ngày càng ô nhiễm. Kinh nghiệm thực tiễn của nhiều quốc gia đang phát triển chỉ ra, khi tăng trưởng đạt đến mức thu nhập trung bình thì đồng thời mắc phải “bẫy thu nhập trung bình”. Có một số quốc gia thành công vượt qua “bẫy thu nhập trung bình” thành các quốc gia phát triển nhờ tái cấu trúc kinh tế. Ngược lại cũng có những nước không thoát ra khỏi “bẫy thu nhập trung bình” vẫn còn là nước đang phát triển.

Việt Nam hiện là nước thu nhập trung bình thấp, cũng không phải trường hợp ngoại lệ. Sự hiện hữu của “bẫy thu nhập trung bình” đối với nền kinh tế nước ta ngày càng được thể hiện rõ hơn. Khi tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm và thời gian phục hồi lấy lại đà tăng trưởng của chu kỳ sau kéo dài hơn so với chu kỳ trước. Điều đó có nghĩa là không thể duy trì mô hình tăng trưởng theo chiều rộng lâu hơn nữa, khi việc khai thác, sử dụng các yếu tố đã đạt tới giới hạn “cân bằng” và rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”.

Mở cửa thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài được xem như “cú hích” đối với tăng trưởng kinh tế. Nhưng khi kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, thì “cú hích” như lực đẩy ban đầu mất dần tác dụng nếu không phát huy được nội lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Vì vậy, việc tái cấu trúc lực lượng sản xuất, nâng cao chất lượng tăng trưởng là yêu cầu đặt ra hiện nay để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

4.2. Một số khuyến nghị

Về phương diện lý luận, cần có những nghiên cứu toàn diện đầy đủ hơn, sâu sắc thêm về tái cấu trúc lực lượng sản xuất. Thời gian vừa qua đã có một số bài viết tham luận hội thảo về tái cấu trúc sở hữu; tái

cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, tái cấu trúc hệ thống tài chính - ngân hàng, theo tôi biết chưa có công trình nghiên cứu nào về tái cấu trúc lực lượng sản xuất. Đây là vấn đề có tính cấp bách hiện nay đã được Nghị quyết Đại hội XI chỉ ra trong “ba khâu đột phá chiến lược” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011) thực chất là tái cấu trúc lực lượng sản xuất.

Tái cấu trúc lực lượng sản xuất là một quá trình cần có chiến lược cụ thể xác định phương hướng, mục tiêu và lộ trình cho từng giai đoạn trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách, tổ chức bộ máy thực hiện. Tái cấu trúc lực lượng sản xuất chuyển sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu đòi hỏi cần lượng vốn đầu tư lớn để xây dựng kết cấu hạ tầng, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực.

Về phát triển nhân lực, đây là nhân tố quyết định cho quá trình tái cấu trúc lực lượng sản xuất, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Cần có các giải pháp đồng bộ để tận dụng cơ hội, hiện Việt Nam đang trong thời kỳ “cơ cấu vàng về dân số”. Cùng với các biện pháp nâng cao thể chất sức khỏe, tăng cường chế độ dinh dưỡng và kiểm soát bệnh dịch hiệu quả, trước mắt tập trung cải cách giáo dục, đào tạo toàn diện, triệt để.

Quan điểm phát huy nguồn nhân lực “đầu tư cho con người là đầu tư phát triển” hay “giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu” vẫn chưa được hiện thực hoá. Đổi mới giáo dục, đào tạo đang gặp phải nhiều khó khăn, lúng túng chưa có chuyên biến tích cực, nhất là quản lý của ngành giáo dục. Phải có cách tiếp cận mới về cải cách giáo dục, đào tạo; dạy và học trong điều kiện hiện nay không thể theo cách truyền thống “học để làm quan” hoặc gần đây là “học để thi và thi được là xong”.

Trước hết cần có triết lý về giáo dục, coi đó là linh hồn của một nền giáo dục là tuyên ngôn của giáo dục, học để làm gì? học như thế nào? học cái gì? Thử triết lý đó quán triệt, xuyên suốt trong cả hệ thống giáo dục đào tạo và toàn bộ quá trình dạy và học. Trên cơ sở triết lý giáo dục đó thiết kế hệ thống chương trình, giáo trình; xây dựng đội ngũ giáo viên và tổ chức việc dạy và học.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn: Tái cấu trúc lực lượng sản xuất chuyển sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, Việt Nam không những cần thu hút được lượng vốn lớn, mà điều quan trọng là phải sử dụng vốn đó một cách có hiệu quả. Do vậy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là một trong nội dung quan trọng để chuyển sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu. Trước hết cần hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư tách chức năng quản lý Nhà

nước về kinh tế, với chức năng kinh doanh trong đầu tư xây dựng ở tất cả các ngành, các địa phương và ở từng khâu.

Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ. Trong thời đại ngày nay khoa học, công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là động lực thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tái cấu trúc lực lượng sản xuất, một trong yếu tố hàng đầu được quan tâm là phát triển nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Trước hết, cần xây dựng chiến lược về phát triển năng lực công nghệ quốc gia, hướng vào lĩnh vực công nghệ cao: Công nghệ viễn thông, công nghệ

sinh học, công nghệ sản xuất vật liệu mới, công nghệ đại dương,... và các lĩnh vực công nghệ hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Trước hết cần tạo điều kiện cần thiết về nhân lực và vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ. Phải có các chính sách đào tạo, đãi ngộ thu hút nhân tài trong cả lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng. Tạo cơ chế thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ, các công viên phần mềm và các khu công nghệ cao. □

Tài liệu tham khảo:

- C.Mác và Ph.Ăngghen (1995): Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, T4, tr.467.
C.Mác và Ph.Ăngghen (1993): Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội T23, tr.269.
Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, Tr.106, 191.
Nguyễn Ngọc Sơn và Phạm Hồng Chương (2011), *Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam. 10 năm nhìn lại và định hướng tương lai*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội 2011, tr.36, 43, 44.
Nguyễn Việt Hùng và Hồ Đắc Nghĩa (2013), *Tái cơ cấu doanh nghiệp và cân đối kinh tế vĩ mô*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Kinh tế Việt Nam 2012 - 2013: NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, tr.68.
Smith, A. (1997), *Của cải của các dân tộc*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.52-75.
Tổng cục Thống kê (2013), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2013*, Hà Nội.
Trần Thọ Đạt, Đỗ Tuyết Nhung và Trần Thị Lan Phương (2013), *"Bẫy thu nhập trung bình" và giải pháp vượt qua đối với Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Nhìn lại chặng đường phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011 - 2015 và những điều chỉnh chiến lược, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, tr.388.

Economic restructuring from the perspective of production forces

Abstract:

The author believes that economic growth of Vietnam in recent years is mainly due to the restructuring of production relations, which help release the available production capacity. However, growth based on exploiting the natural resources and labors has come to the point where Vietnam may fall into the "middle-income trap". Therefore, from theoretical perspective, a comprehensive and deep research on restructuring of production forces is necessary. There is an urgent need to develop a specific strategic plan which provides directions, a set of performance goals and timelines for every stage of development. Human resource development is considered to be the most influential determinant of the restructuring process, while other factors including the improvement of capital efficiency and the acceleration of research and development in science and technology are crucial for the restructuring process in the forthcoming year.

Thông tin tác giả:

***Đặng Văn Thắng, PGS.TS**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: xã hội hóa sản xuất, sự phát triển lực lượng sản xuất, Kinh tế chính trị, các học thuyết kinh tế, các vấn đề kinh tế - xã hội ...

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Tạp chí Công nghiệp...

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: thangdv@neu.edu.vn